

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN  
TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm, khu vực nội đồng mức nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất ngày 06/4 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-25cm và cao hơn TBNN từ 05-20cm. Mức nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-25cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước xuống chậm, mức nước cao nhất ngày 06/4 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-20cm và cao hơn TBNN từ 10-30cm. Mức nước thấp nhất phổ biến xấp xỉ cùng kỳ năm 2025 và thấp hơn TBNN từ 05-20cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/4 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-35cm và cao hơn TBNN từ 05-15cm.

- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 06/4 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 43cm, lên 01cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

**2. Dự báo, cảnh báo**

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh xuống chậm theo triều trong 3-4 ngày tới, sau lên chậm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm theo triều trong 3-4 ngày tới, sau lên chậm.

- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều biến Tây trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

**3. Ghi chú**

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 08/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin

Phạm Thị Diệu Ngọc

**Phụ lục**  
**Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm**

*Đơn vị: cm*

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BD I	BD II	BD III	06/4		05/04		kỳ 2025		TBNN		07/4	08/4	09/4	10/4	11/4
					Hmax	Hmin											
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	107	-8	▼	-23	▼	9	▲	102	99	96	98	102
					Hmin	-30	-8	▼	-5	▼	-25	▼	-34	-37	-40	-42	-39
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	117	-7	▼	-19	▼	19	▲	112	109	106	108	112
					Hmin	-42	-8	▼	-3	▼	-13	▼	-49	-52	-55	-57	-54
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	97	-1	▼	-18	▼	0	◀▶	94	92	91	89	92
					Hmin	25	-20	▼	4	▲	0	◀▶	22	20	18	16	19
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	127	-6	▼	-18	▼	23	▲	122	119	116	118	122
					Hmin	-29	-6	▼	-4	▼	-18	▼	-36	-39	-42	-44	-41
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	135	-7	▼	-12	▼	31	▲	130	127	124	126	131
					Hmin	-36	-8	▼	2	▲	5	▲	-43	-47	-50	-52	-49
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	121	-7	▼	-17	▼	18	▲	116	113	110	112	117
					Hmin	-37	-7	▼	1	▲	-15	▼	-44	-47	-50	-52	-49
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	28	-1	▼	-31	▼	-3	▼	27	26	25	26	28
					Hmin	4	-1	▼	-24	▼	-2	▼	3	2	3	4	5
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	19	1	▲	-29	▼	-6	▼	18	17	16	17	19
					Hmin	13	-1	▼	-22	▼	-8	▼	12	11	12	13	14
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	26	1	▲	-33	▼	-14	▼	24	23	22	23	25
					Hmin	21	0	◀▶	-28	▼	-12	▼	20	19	20	21	22
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	27	1	▲	-32	▼	-10	▼	26	25	24	25	27
					Hmin	24	1	▲	-26	▼	-7	▼	23	22	23	24	25
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	37	2	▲	-29	▼	-6	▼	35	34	33	34	36
					Hmin	30	0	◀▶	-26	▼	-6	▼	29	28	29	30	31
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	31	-1	▼	-35	▼	-1	▼	30	29	30	31	32
					Hmin	6	-2	▼	-20	▼	-4	▼	5	4	3	4	5
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	45	-5	▼	-31	▼	13	▲	44	43	44	45	46
					Hmin	31	0	◀▶	-19	▼	9	▲	30	29	28	29	30
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	37	1	▲	-30	▼	-5	▼	36	35	36	37	38
					Hmin	30	0	◀▶	-21	▼	-3	▼	29	28	27	28	29
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	25	0	◀▶	-22	▼	7	▲	24	23	24	25	26
					Hmin	16	-1	▼	-16	▼	4	▲	15	14	13	14	15
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	64	0	◀▶	-28	▼	17	▲	63	62	63	64	65
					Hmin	45	-3	▼	-18	▼	13	▲	44	43	42	43	44
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	84	-3	▼	-33	▼	17	▲	83	82	83	84	85
					Hmin	40	-5	▼	-13	▼	6	▲	39	38	37	38	39
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	58	0	◀▶	-32	▼	5	▲	57	56	57	58	59
					Hmin	32	-2	▼	-20	▼	0	◀▶	31	30	29	30	31
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	44	0	◀▶	-32	▼	-5	▼	43	42	43	44	45
					Hmin	29	-2	▼	-22	▼	-4	▼	28	27	26	27	28
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	28	-1	▼	-30	▼	-1	▼	27	26	27	28	29
					Hmin	15	-4	▼	-28	▼	4	▲	14	13	12	13	14

Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	10	-3	▼	-31	▼	-25	▼	9	8	7	8	9
					Hmin	-20	-13	▼	-45	▼	3	▲	-15	-17	-19	-21	-23
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	43	1	▲	-11	▼	9	▲	45	43	40	37	34
					Hmin	-32	-5	▼	5	▲	3	▲	-31	-29	-27	-25	-23

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

## Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





